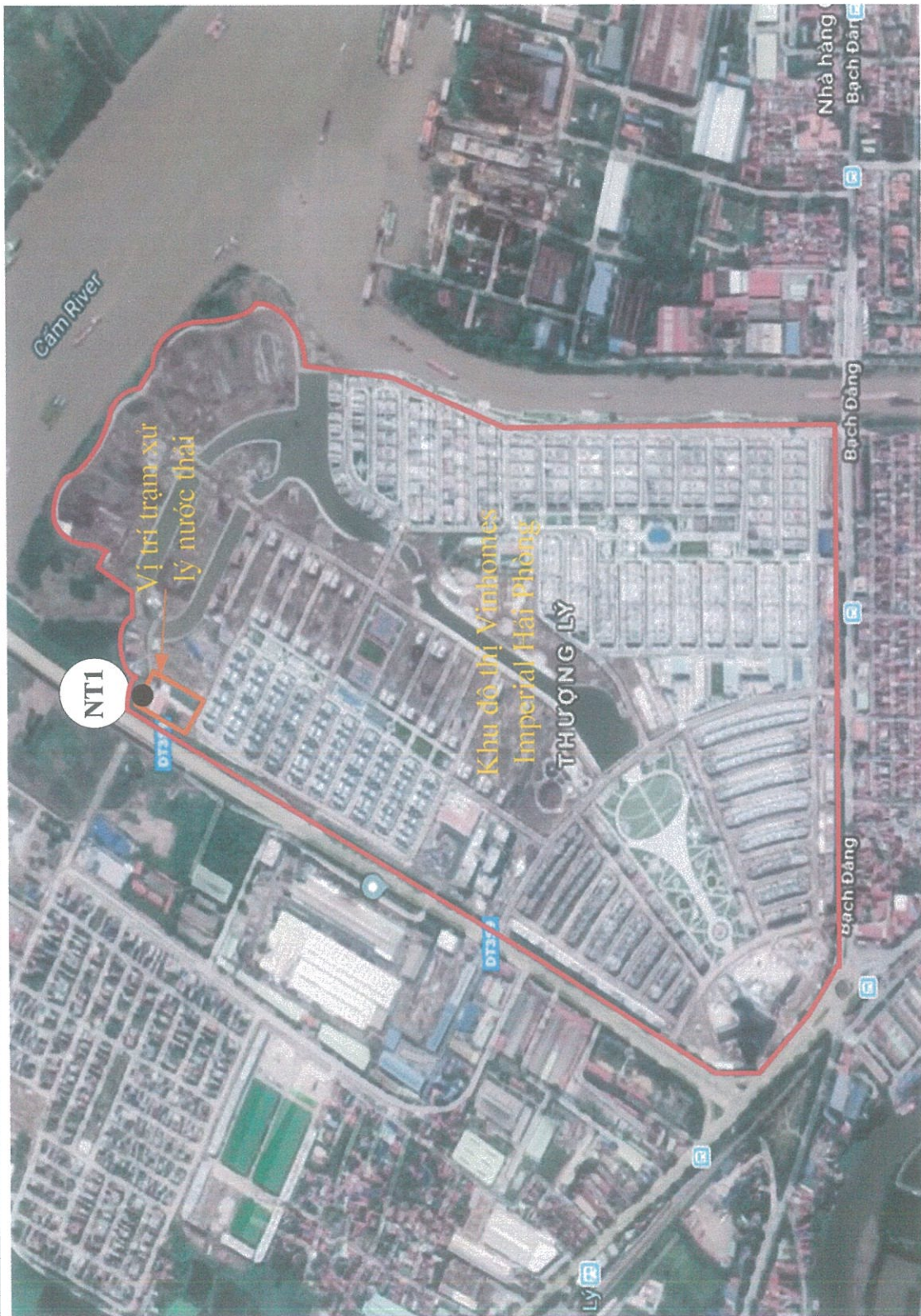
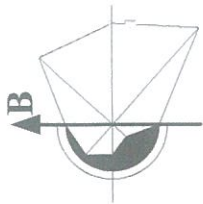




Ghi chú:

Ngày quan trắc: 23/6/2025

ĐKTT: Trời nhiều mây ; nhiệt độ TB 29°C; độ ẩm tương đối 76%;
áp suất 101,2 kPa; hướng gió chủ đạo Đông Nam, tốc độ gió 1,7 m/s.

NT1: Vị trí quan trắc và lấy mẫu nước thải.

SỐ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC VÀ LẤY MẪU	
Khách hàng: Chi nhánh tại Hải Phòng - Công ty cổ phần Vinhomes Địa điểm lấy mẫu: Khu đô thị Vinhomes Imperia, phường Thượng Lý quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	
THỰC HIỆN	KIỂM TRA
PHẠM VĂN HÙNG	NGUYỄN VĂN TIẾP



Số: 489 /2025/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/

Name of sample

Tên khách hàng/

Name of clients

Địa điểm lấy mẫu/

Place of sample

: Mẫu nước thải.

: Chi nhánh tại Hải Phòng – Công ty

: Cổ phần Vinhomes.

: Khu đô thị Vinhomes Imperia – Số 1 đường Hà Nội, phường

: Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Ngày lấy mẫu/

Date of sampling

Ngày phân tích/

Date of test

23/6/2025

23 – 30/6/2025

VIETNAM

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại miệng đường ống thoát nước thải DN 315 sau hệ thống xử lý nước thải trước khi xả vào sông Cấm. Tọa độ: 2308926X; 595335Y. (NT1)	0623790

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TM. NHÓM QT&PT

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Phạm Duy Dương

Nguyễn Thị Hải Âu

Nguyễn Văn Tiếp

Đàm Văn Quỳnh

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

Số: 489 /2025/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ RESULTS	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B, K=1,0) ⁽¹⁾
				0623790	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,23	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	2,4	50
3	COD	SMEWW 5220B&C:2023	mg/l	10,7	(-)
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (*)	SMEWW 2540D:2023	mg/l	26,7	100
5	Tổng chất rắn hòa tan	QT-HT.02 ^(#)	mg/l	322,0	1000
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	mg/l	0,044	4,0
7	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,068	10
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	mg/l	6,1	50
9	Dầu mỡ động, thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	0,40	20
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	SMEWW 5540B&C:2023	mg/l	0,072	10
11	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) (*)	TCVN 6202:2008	mg/l	2,4	10
12	Tổng Coliforms	SMEWW 9221B:2023	mg/l	2x10 ³	5000

- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.

- (-): Không quy định.

- ⁽¹⁾ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt/ National technical regulation on domestic wastewater.

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM